

# Những khó khăn trong văn hóa ứng xử gia đình của thế hệ Z: Trường hợp tỉnh Thanh Hóa

**Nguyễn Thế Anh**

*Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh  
Nguyenvanthuy4461@gmail.com*

**Tóm tắt:** Thế hệ Z, hay Gen Z, được phân loại theo nhân khẩu học là nhóm người sinh ra trong khoảng 1996 – 2012. Đây là thế hệ sinh ra và lớn lên trong thời kỳ công nghệ phát triển mạnh mẽ – đang có nhiều thay đổi trong cách giao tiếp và ứng xử, đặt ra những thách thức mới đối với gia đình và xã hội. Bằng phương pháp thống kê, phân tích số liệu, nghiên cứu này góp phần nhận diện hai khó khăn chính của giới trẻ trong ứng xử với gia đình là giao tiếp liên thế hệ, cân bằng giữa gia đình và công việc. Kết quả cho thấy thế hệ Z có nhận thức tương đối đầy đủ và tích cực về các giá trị văn hóa ứng xử truyền thống trong gia đình, thể hiện qua sự ủng hộ việc duy trì lễ nghi, tôn trọng các mối quan hệ liên thế hệ và ý thức về vai trò cá nhân trong gìn giữ văn hóa gia đình. Tuy nhiên, khoảng cách giữa nhận thức và hành vi vẫn tồn tại rõ nét. Những khó khăn chủ yếu bao gồm áp lực học tập và công việc, hạn chế trong việc cân bằng giữa trách nhiệm gia đình và đời sống cá nhân, cùng với rào cản giao tiếp liên thế hệ và ảnh hưởng của môi trường công nghệ.

**Từ khóa:** biến đổi văn hóa; gia đình; Thanh Hóa; thế hệ Z; ứng xử gia đình.

## **Difficulties in family behavioral culture among generation Z: The case of Thanh Hoa province**

**Abstract:** Generation Z, also known as Gen Z, is demographically classified as the group of people born between 1996 and 2012. This generation was born and raised during a period of rapid technological development, which has brought about significant changes in communication and behavior, posing new challenges for both families and society. Using statistical methods and data analysis, this research aims to identify two primary difficulties of young people in behaving with family: Intergenerational communication and balancing family and work responsibilities. The findings indicate that Generation Z possesses a relatively comprehensive and positive awareness of traditional family behavioral cultural values, as reflected in their support for the preservation of rituals, respect for intergenerational relationships, and a strong sense of personal responsibility in maintaining family culture. However, a clear gap remains between awareness and actual behavior. The main difficulties include academic and work-related pressures, challenges in balancing family responsibilities with personal life, as well as barriers in intergenerational communication and the influence of the technological environment.

**Keywords:** Family behavior, Generation Z, Thanh Hoa, family, cultural change.

**Ngày nhận bài:** 01/10/2025; **Ngày phản biện:** 12/11/2025; **Ngày duyệt đăng:** 29/12/2025

### **1. Đặt vấn đề**

Từ bao đời nay, cha ông ta đã lưu truyền câu tục ngữ "Lời nói gói vàng" như một lời răn dạy sâu sắc gửi gắm qua từng thế hệ. Câu nói ấy không chỉ thể hiện sự thận trọng trong lời ăn tiếng nói, mà còn phản ánh một quan niệm sống giàu tính nhân văn: lời nói, cách cư xử chính là biểu hiện của nhân cách, phẩm hạnh của mỗi con người. Ứng xử, vì vậy, không đơn thuần chỉ là những quy tắc giao tiếp thường ngày, mà còn là nền tảng để gìn giữ sự hài hòa trong các mối quan hệ xã hội, từ gia đình đến cộng đồng, từ cá nhân đến tập thể.

Ở một góc nhìn sâu rộng hơn, văn hóa ứng xử còn đóng vai trò như một "thước đo vô hình" dùng để đánh giá đạo đức, tư cách cũng như hệ giá trị sống của mỗi cá nhân trong xã hội. Nó góp phần tạo nên bản sắc văn hóa riêng biệt của một dân tộc, là nhân tố then chốt trong việc hình thành nên một xã hội văn minh, ổn định và bền vững. Chính vì vậy, văn hóa ứng xử từ lâu đã giữ một vị trí đặc biệt trong hệ thống giá trị văn hóa Việt Nam, đồng thời tiếp tục phát huy vai trò định hướng hành vi và nhận thức của con người và xã hội trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ.

Trong cấu trúc của đời sống xã hội, gia đình được xem là một thiết chế thu nhỏ, nơi mỗi cá nhân được sinh ra, lớn lên và trải nghiệm những tương tác đầu tiên với thế giới xung quanh. Chính trong môi trường này, các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức và quy tắc ứng xử được truyền đạt, củng cố và nội tại hóa một cách sâu sắc. Từ lời nói, hành vi đến cách giải quyết mâu thuẫn trong gia đình – tất cả đều góp phần định hình nên nền tảng văn hóa ứng xử của mỗi người. Nói cách khác, gia đình không chỉ đơn thuần là nơi nuôi dưỡng thể chất mà còn là môi trường giáo dục văn hóa đầu đời, tạo tiền đề cho năng lực thích ứng và giao tiếp của mỗi cá nhân trong các mối quan hệ xã hội rộng lớn hơn.

Vì vậy, việc nhận diện và nghiên cứu những khó khăn trong văn hóa ứng xử của thế hệ Z, đặc biệt trong bối cảnh quan hệ gia đình, là một yêu cầu cấp thiết trong quá trình phát triển và duy trì cho một xã hội ổn định. Thông qua việc phân tích những thách thức mà thế hệ này đang gặp phải, chúng ta không chỉ có cơ hội hiểu sâu hơn về sự chuyển dịch trong cấu trúc văn hóa ứng xử, mà còn góp phần đề xuất những giải pháp giáo dục, truyền thông và chính sách phù hợp nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các thế hệ, củng cố nền tảng bền vững cho gia đình và xã hội trong thời kỳ biến động hiện nay.

Trong bối cảnh nghiên cứu văn hóa ứng xử trong gia đình tại Việt Nam, tỉnh Thanh Hóa được xem là một địa bàn khảo sát giàu tiềm năng và có giá trị điển hình. Với bề dày lịch sử hình thành và phát triển văn hóa kéo dài hàng nghìn năm, nơi đây từng là trung tâm của nền văn hóa Đông Sơn – một trong những nền văn hóa cổ đại tiêu biểu của người Việt, phát triển rực rỡ dọc theo lưu vực lớn của sông Mã. Những yếu tố địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, cùng với đặc điểm nhân khẩu học đặc thù của địa phương đã và đang góp phần định hình không chỉ đời sống vật chất mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến hệ thống giá trị, chuẩn mực và thực hành văn hóa ứng xử của cư dân nơi đây.

Thêm vào đó, lịch sử nghiên cứu về văn hóa ứng xử trong gia đình người Việt cũng đã được nhiều học giả đề cập từ góc nhìn phong tục, tập quán và sự biến đổi xã hội trong các tác phẩm kinh điển như *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính (1975), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* của Trần Ngọc Thêm (1996), *Nếp sống tình cảm người Việt* của Việt Thục (2003) hay *Nếp cũ con người Việt Nam* của Toan Ánh (2005) đều phác họa hệ giá trị, lễ nghi và chuẩn mực ứng xử truyền thống trong gia đình Việt. Nhiều công trình hiện đại hơn, như của Phạm Khắc Chương (2006), Phạm Minh Thảo (2015), Lê Ngọc Văn (2011), Nguyễn Hữu Minh (2015) hay Trần Thị Minh Thi (2020), đã phân tích sự thay đổi của văn hóa gia đình trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và toàn cầu hóa. Một số nghiên cứu gần đây đi sâu vào giao tiếp gia đình và các yếu tố tác động, tiêu biểu là Lê Thị Kim Dung (2021), Trần Nguyệt Minh Thu (2021) hay Nguyễn Hồng Cẩm (2024). Ngay tại địa phương Thanh Hóa, các nghiên cứu cũng chỉ chủ yếu tập trung vào văn hóa truyền thống, tổ chức xã hội, nghề nghiệp và biến đổi gia đình (Nguyễn Thu Trang 2012; Nguyễn Thị Lý 2018; Nguyễn Thị Việt Hương 2019), song chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp văn hóa ứng xử gia đình, đặc biệt ở thế hệ Z.

Các công trình hiện có thiếu nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa ứng xử của Gen Z trong gia đình và sự khác biệt thế hệ trong bối cảnh hiện đại. Do vậy, nghiên cứu hướng tới nhận diện đặc điểm giao tiếp, các giá trị được đề cao và những tác nhân định hình cách ứng xử của Gen Z trong gia đình tại Thanh Hóa, đồng thời góp phần hiểu rõ sự chuyển biến văn hóa trong gia đình và xã hội Việt Nam hiện nay.

Như vậy, việc nghiên cứu những khó khăn mà người trẻ thuộc thế hệ Z đang phải đối mặt trong thời điểm hiện tại là một vấn đề cấp thiết và có tác động rất lớn đối với quá trình xây dựng và ổn định xã hội. Không chỉ góp phần làm rõ những khúc mắc trong ứng xử ở phạm vi gia đình, nghiên cứu còn chỉ ra những chuyển biến, mâu thuẫn và thích nghi trong thực hành ứng xử giữa các thế hệ. Đồng thời, nghiên cứu cũng là cơ sở khoa học quan trọng để đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm gìn giữ và phát huy những giá trị ứng xử tích cực trong gia đình Việt Nam hiện đại, hướng đến sự hài hòa giữa truyền thống và đổi mới trong bối cảnh xã hội không ngừng biến đổi.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu tập trung vào nhóm thế hệ Z tại tỉnh Thanh Hóa, bao phủ cả khu vực nông thôn và thành thị nhằm đảm bảo tính đại diện. Khảo sát được tiến hành trong 5 tháng (12/2023 – 4/2024) và sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành với sự kết hợp giữa định lượng và định tính.

Về dữ liệu định lượng, nhóm nghiên cứu thu thập dữ liệu từ 95 mẫu khảo sát ngẫu nhiên, thực hiện trực tuyến qua Google Forms, tỷ lệ giới tính thu được thông qua khảo sát là 30,72% nam và 69,28% nữ. Dữ liệu định lượng được tổng hợp trong khảo sát được biểu đồ hóa thể hiện cơ cấu câu trả lời (các biểu đồ từ 1 đến 9 trong bài viết). Khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 mức từ 1 đến 5 nhằm định lượng hóa nhận thức và mức độ đồng tình với các mệnh đề được đưa ra trong khảo sát, với 1 là mức hoàn toàn không đồng tình đến mức 5 là hoàn toàn đồng tình.

Dữ liệu thu thập được tổng hợp và phân tích để nhận diện các xu hướng chuyển dịch trong văn hóa ứng xử của thế hệ Z trong gia đình thông qua nhóm đối tượng được khảo sát.

Do những hạn chế khách quan, Nhóm nghiên cứu nhận thức rằng với kích thước mẫu N=95 thu thập theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện, dữ liệu định lượng trong bài viết mang tính chất nghiên cứu thăm dò (exploratory study) hơn là đại diện thống kê cho toàn bộ tổng thể thế hệ Z tại Thanh Hóa. Tuy nhiên, kết quả này có giá trị tham khảo quan trọng vì đây là một trong những nghiên cứu đầu tiên tiếp cận trực tiếp vào chủ đề văn hóa ứng xử của Gen Z tại địa phương. Số liệu định lượng được sử dụng kết hợp chặt chẽ với các lý thuyết xã hội học và dữ liệu định tính để giải thích sâu sắc các hành vi, thay vì chỉ tập trung vào việc khái quát hóa quy luật. Bên cạnh đó, nhằm tăng tính xác thực của số liệu, nghiên cứu cũng đồng thời tham khảo các công trình liên quan, văn bản và báo cáo chính thống nhằm tăng độ tin cậy cho kết quả.

### 3. Cơ sở lý thuyết

#### 3.1. Văn hóa, ứng xử và văn hóa ứng xử

"Văn hóa là những hoạt động đã có từ rất xa xưa, ra đời cùng với con người và đồng hành với con người" (Lý Tùng Hiếu, 2017). Nhận định này nhấn mạnh tính song hành và gắn bó mật thiết giữa văn hóa và sự tồn tại của loài người trong tiến trình lịch sử. Trên thực tế, văn hóa không chỉ đơn thuần là sản phẩm của con người, mà còn là môi trường tồn tại, là hệ thống các biểu tượng, chuẩn mực, giá trị và thực hành xã hội mà trong đó con người sống, tương tác và tái sản xuất các mối quan hệ xã hội. Chính vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi khái niệm "văn hóa" luôn là một trong những chủ đề được quan tâm sâu rộng và tiếp cận dưới nhiều góc độ học thuật khác nhau.

Sự đa dạng trong cách hiểu về văn hóa phản ánh sự phong phú của các trường phái lý thuyết cũng như đặc thù của từng ngành khoa học. Tùy thuộc vào quan điểm nhân học, xã hội học, triết học, tâm lý học hay truyền thông, khái niệm văn hóa có thể được định nghĩa theo những cách hoàn toàn khác nhau, với các trọng tâm riêng biệt. Điều này dẫn đến hiện tượng: "sẽ không phải là xa sự thật, nếu nói rằng có bao nhiêu nhà nghiên cứu văn hóa thì có bấy nhiêu định nghĩa về văn hóa" (Trần Ngọc Thêm, 2000, tr. 17-36).

Một trong các định nghĩa sớm nhất, đặt nền móng cho lý luận văn hóa học hiện đại đến từ nhà nhân chủng học Edward B. Tylor. Trong tác phẩm *Văn hóa nguyên thủy* (*Primitive Culture*, 1871), ông cho rằng "Văn hóa hay văn minh, hiểu theo nghĩa dân tộc học, là tổng thể phức hợp bao gồm kiến thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục và bất kỳ khả năng, thói quen nào khác mà con người có được với tư cách là một thành viên của xã hội" (Edward Tylor, 1871, tr.1). Đây được xem là một định nghĩa kinh điển, đặt nền tảng cho sự hình thành và phát triển của ngành nhân học văn hóa, cũng như ảnh hưởng sâu rộng đến các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

Khái niệm "ứng xử" trong tiếng Việt có nguồn gốc từ Hán-Việt, với "ứng" (應) nghĩa là đáp, thưa và "xử" (處) nghĩa là phân biệt sự lý cho phải chăng. Theo Từ điển tiếng Việt (1988), ứng xử là "có thái độ, hành động, lời nói thích hợp trong việc xử sự". Từ góc độ tâm lý học, Lê Thị Bùng và Hải Vang (1997) định nghĩa: "Ứng xử là sự phản ứng của con người đối với sự tác động của người khác đến mình trong một tình huống cụ thể nhất định. Nó thể hiện ở chỗ con người không chủ động trong giao tiếp mà chủ động trong phản ứng có sự lựa chọn, có tính toán, thể hiện qua thái độ, hành vi, cử chỉ, cách nói năng tùy thuộc vào tri thức, kinh nghiệm và nhân cách của mỗi người nhằm đạt kết quả giao tiếp cao nhất".

Từ quan điểm và nhận định về văn hóa của Edward B. Tylor (1871), cho rằng "bất kỳ khả năng hay thói quen nào mà con người có được với tư cách là một thành viên của xã hội" đều có thể được xem là "văn hóa hay văn minh". Do đó, ứng xử, với vai trò là một năng lực thể hiện trong giao tiếp và quan hệ xã hội, chính là một thành tố quan trọng cấu thành văn hóa.

Văn hóa ứng xử là một bộ phận của văn hóa đạo đức và nhân cách con người. Hồ Sĩ Vịnh (2006) cho rằng: "Văn hóa ứng xử là một bộ phận của văn hóa đạo đức và nhân cách con người. Đó là hành vi, lời nói, phương thức tiến hành một cách văn minh, lịch sự, đẹp, thích hợp trong việc giao tiếp với gia đình, cộng đồng xã hội, đối với môi trường sinh thái và môi trường tự nhiên". Nguyễn Thanh Tuấn (2008) bổ sung: "Văn hóa ứng xử là hệ thống các khuôn mẫu ứng xử được thể hiện ở thái độ, kỹ năng ứng xử của cá nhân và cộng đồng người trong mối quan hệ với môi trường thiên nhiên, xã hội và bản thân, trên cơ sở những chuẩn mực văn hóa - xã hội nhất định, để bảo tồn, phát triển cuộc sống của cá nhân và cộng đồng nhằm làm cho cuộc sống của cá nhân và cộng đồng giàu tính người hơn". Như vậy, văn hóa ứng xử là hệ thống các chuẩn mực, giá trị và quy tắc được hình thành trong một cộng đồng, hướng dẫn cách con người phản ứng, giao tiếp và tương tác, thể hiện qua lời nói, hành động, thái độ và các biểu hiện phi ngôn ngữ.

### **3.2. Thế hệ Z**

Trong các nghiên cứu về lĩnh vực khoa học xã hội, thao tác xác định đối với chủ thể nghiên cứu là một khâu vô cùng quan trọng, bởi đây là một trong những khâu quyết định chất lượng của toàn bộ công trình. Do đó, các tác giả khi nghiên cứu cũng sẽ phân loại, khoanh vùng chủ thể sao cho phù hợp với mục đích và khả năng tiếp cận của mình. Những cách phân chia chủ thể nghiên cứu phổ biến có thể kể đến như phân chia theo nhóm tuổi, giới tính, thu nhập, nghề nghiệp,...

Việc phân chia chủ thể nghiên cứu theo thế hệ, về cơ bản, cũng là một trong các phương pháp phân loại theo nhóm tuổi. Theo lý thuyết của Karl Mannheim (1952), thế hệ là một nhóm người có độ tuổi gần nhau và cùng trải qua những biến cố lịch sử quan trọng trong giai đoạn dễ bị ảnh hưởng nhất – thường là thời kỳ trưởng thành. Do đó, thế hệ không chỉ mang ý nghĩa sinh học mà còn là một nhóm xã hội với các đặc trưng văn hóa – xã hội riêng biệt.

Thế hệ Z là một ví dụ tiêu biểu cho cách phân chia này. Họ là những người sinh ra từ cuối thập niên 1990 đến đầu thập niên 2010, lớn lên trong thời đại công nghệ phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là với sự phổ biến của internet. Họ tiếp cận công nghệ từ sớm, quen thuộc với các nền tảng số và định hình lối sống, giao tiếp, học tập trên không gian mạng. Ngoài môi trường công nghệ, thế hệ Z còn đối diện với nhiều thách thức kinh tế – xã hội như khủng hoảng tài chính toàn cầu (2008) hay đại dịch COVID-19.

Như vậy, thế hệ Z là sản phẩm của một thời kỳ biến động mạnh mẽ về kinh tế, chính trị và công nghệ. Những điều kiện này đã tạo nên các đặc điểm khác biệt rõ rệt về hành vi, tâm lý và văn hóa ứng xử, khiến họ trở thành một thế hệ đặc thù trong các nghiên cứu xã hội đương đại.

### **3.3. Lý thuyết hệ thống sinh thái**

Lý thuyết hệ sinh thái của Urie Bronfenbrenner là một khung mẫu quan trọng để hiểu cách các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sự phát triển của con người. Lý thuyết này cho rằng sự phát triển của cá nhân bị ảnh hưởng bởi một loạt các hệ thống môi trường liên kết với nhau, từ môi trường gần gũi nhất (như gia đình) đến bối cảnh xã hội rộng lớn (như văn hóa). Bronfenbrenner (1977) viết: "Hệ thống sinh thái của sự phát triển con người là lĩnh vực khoa học nghiên cứu về sự điều chỉnh lẫn nhau giữa một con người đang phát triển và các đặc điểm thay đổi của môi trường xung quanh, bị ảnh hưởng bởi mối quan hệ giữa các môi trường này và các bối cảnh lớn hơn mà các tác nhân đó tham gia vào".

Lý thuyết này chia môi trường thành năm hệ thống:

Microsystem (Hệ Vi mô): Môi trường trực tiếp mà cá nhân sống và tương tác hàng ngày (gia đình, trường học, bạn bè).

Mesosystem (Hệ Trung mô): Các tương tác giữa các phần của microsystem (mối quan hệ giữa trường học và gia đình).

Exosystem (Hệ Ngoại mô): Các môi trường gián tiếp ảnh hưởng đến cá nhân (nơi làm việc của cha mẹ, tài nguyên cộng đồng).

Macrosystem (Hệ Vi mô): Bối cảnh văn hóa, xã hội và kinh tế rộng lớn (giá trị văn hóa, luật pháp).

Chronosystem (Hệ Thời gian): Những thay đổi theo thời gian trong các hệ thống khác (sự kiện lịch sử, thay đổi trong gia đình).

Các hệ thống này không hoạt động độc lập mà liên kết chặt chẽ và có tác động lẫn nhau. Lý thuyết này phù hợp để nghiên cứu văn hóa ứng xử của Gen Z trong gia đình tại Thanh Hóa vì

nó giúp phân tích toàn diện các yếu tố tác động đến sự hình thành và phát triển hành vi của cá nhân trong bối cảnh xã hội, đặc biệt là ảnh hưởng của hệ vi mô (điều kiện kinh tế gia đình, giáo dục) và hệ vĩ mô (văn hóa, truyền thống gia đình Việt Nam và xu hướng hội nhập toàn cầu).

#### 4. Tổng quan số liệu khảo sát

Tổng quan về các câu trả lời nhận được (xem bảng 1), xét về mô hình gia đình, 71,58% người tham gia sống trong gia đình hai thế hệ, trong khi 27,37% thuộc gia đình ba thế hệ và chỉ 1,05% sống trong gia đình bốn thế hệ. Quy mô gia đình phổ biến nhất là từ 3–5 thành viên (77,89%), tiếp đến là trên 5 thành viên (17,89%) và dưới 3 thành viên (5,26%). Những con số này cho thấy xu hướng thu nhỏ quy mô hộ gia đình và giảm dần mô hình đa thế hệ.

Về nơi ở, 60% người tham gia khảo sát cho biết họ đang sống xa gia đình để học tập hoặc làm việc; chỉ 40% sống cùng người thân. Điều này phản ánh sự dịch chuyển mạnh mẽ trong lối sống của giới trẻ, hướng đến tự lập và thích nghi với môi trường đô thị.

Kết quả khảo sát về thu nhập gia đình cho thấy mức thu nhập phổ biến nhất là từ 10–20 triệu đồng/tháng (49,47%). Nhóm thu nhập dưới 10 triệu đồng chiếm 18,95%, chủ yếu thuộc các hộ có ít lao động hoặc sinh sống tại vùng nông thôn. Trong khi đó, 24,21% thuộc các hộ có thu nhập từ 20–40 triệu đồng/tháng. Chỉ 7,37% đến từ gia đình có thu nhập trên 40 triệu đồng/tháng, cho thấy tỷ lệ hộ có điều kiện kinh tế cao không lớn trong mẫu khảo sát.

**Bảng 1: Tổng quan số liệu khảo sát**

Biến	Số lượng	Tỉ lệ
<b>Giới tính</b>		
Nam	32	30,72%
Nữ	63	69,28%
<b>Trình độ học vấn</b>		
Trung học cơ sở (hoặc tương đương)	1	1,05%
Trung học phổ thông (hoặc tương đương)	12	12,63%
Đại học	80	84,21%
Sau đại học	2	2,11%
<b>Tình trạng hôn nhân</b>		
Độc thân	91	95,79%
Đã lập gia đình	4	4,21%
<b>Số lượng thành viên</b>		
Dưới 3 thành viên	5	5,26%
Từ 3 - 5 thành viên	74	77,89%
Từ 5 - 7 thành viên	14	14,74%
Trên 7 thành viên	2	2,11%
<b>Thu nhập trung bình hàng tháng</b>		
Dưới 10 triệu đồng	18	18,95%
Từ 10 - dưới 20 triệu đồng	47	49,47%
Từ 20 - dưới 40 triệu đồng	23	24,21%
Trên 40 triệu đồng	7	7,37%
<b>Tình trạng cư trú hiện nay</b>		
Đang sống cùng gia đình	38	40,00%
Đang sống xa gia đình	57	60,00%
N=95		

Nguồn: Kết quả điều tra

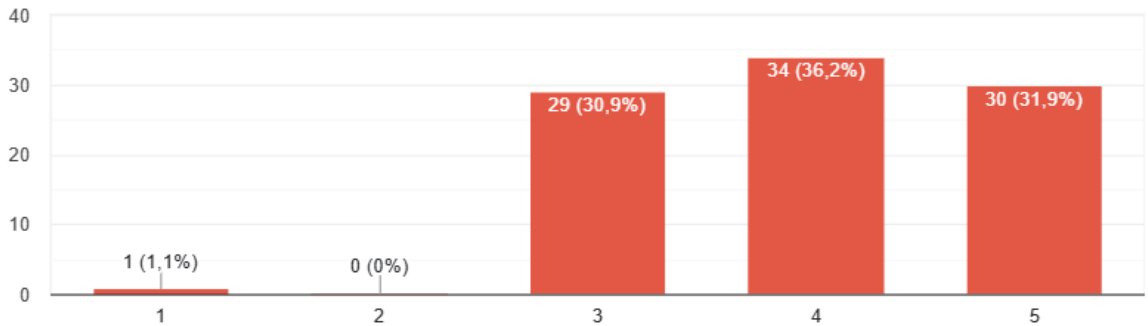
#### 5. Kết quả nghiên cứu

##### 5.1. Những khó khăn trong hiện thực hóa nhận thức văn hóa ứng xử

Thế hệ Z là một thế hệ mang nhiều khác biệt, do được sinh trưởng trong một bối cảnh kinh tế - xã hội hiện đại và mang nhiều ảnh hưởng từ các yếu tố văn hóa ngoại lai. Sự phát triển vượt bậc của mạng internet và quá trình toàn cầu hóa mạnh mẽ giúp thế hệ Z sớm tiếp cận với thế giới

bên ngoài, dễ dàng tiếp nhận thông tin trên nhiều lĩnh vực một cách nhanh chóng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến nhịp sống, nhận thức của những cá nhân thuộc thế hệ này – một thế hệ nhạy bén và linh hoạt với cuộc sống.

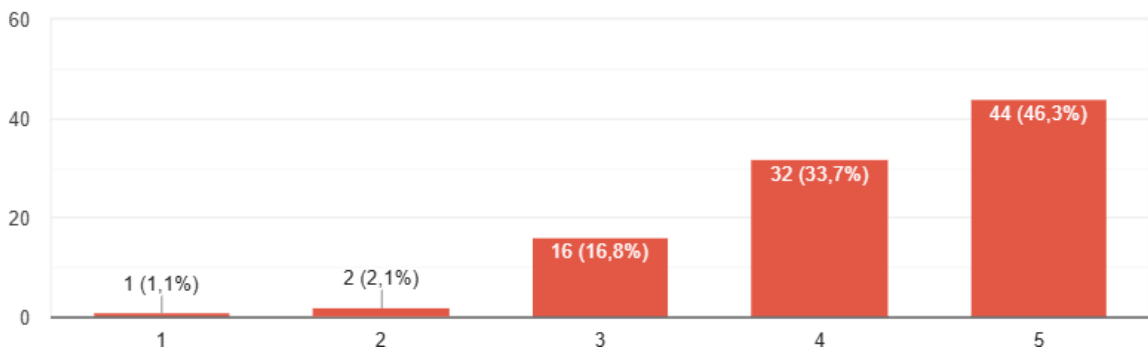
Dù có tư duy rộng mở và linh hoạt như vậy, thế hệ Z vẫn có ý thức khá rõ về tầm quan trọng của văn hóa ứng xử trong gia đình, đặc biệt là thông qua gìn giữ các nghi thức truyền thống của gia đình như giỗ chạp, lễ tết,... Cụ thể, theo khảo sát của chúng tôi, có tới 67.3% người tham gia đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với nhận định “Bạn hiểu rõ về các giá trị văn hóa ứng xử trong gia đình” (xem biểu đồ 1). Đây là một tín hiệu đáng mừng, bởi nó cho thấy rằng thế hệ Z hiện nay vẫn trang bị cho mình những giá trị về văn hóa ứng xử trong gia đình, bên cạnh những kỹ năng cần thiết khác trong cuộc sống, đặc biệt là với một thế hệ năng động và hiện đại.



**Biểu đồ 1. Mức độ hiểu biết văn hóa ứng xử truyền thống**

*Nguồn: Kết quả điều tra*

Tiếp tục khẳng định cho quan điểm ấy, khảo sát của chúng tôi cũng đã đặt ra câu hỏi về quan điểm duy trì truyền thống gia đình thông qua các nghi thức, nghi lễ gia đình của thế hệ Z thông qua biểu đồ 2. Câu hỏi trên đã nhận về được tần suất các câu trả lời không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý ở mức vô cùng thấp (chỉ 3.1%, tương đương với 3/95 câu trả lời) đối với câu hỏi về vấn đề ủng hộ. Điều này cho thấy, đối với thế hệ Z, việc duy trì các nghi thức truyền thống – một hành động nhằm bảo vệ văn hóa gia đình - là cần thiết ngay cả trong đời sống hiện nay. Những lễ nghi này với thế hệ Z không hề lỗi thời hay vô ích, trái lại, vẫn đóng một vai trò quan trọng, là mối liên kết ký ức và cảm xúc quan trọng vượt thời gian của gia đình.



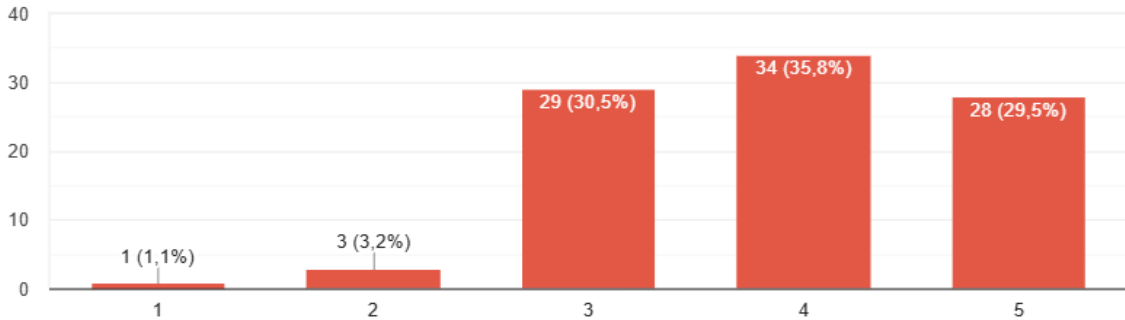
**Biểu đồ 2. Mức độ ủng hộ duy trì truyền thống trong gia đình**

*Nguồn: Kết quả điều tra*

Hơn nữa, bên cạnh sự ủng hộ mạnh mẽ với việc duy trì lễ nghi truyền thống, thế hệ Z tại Thanh Hóa cũng có nhận thức cao về vai trò của bản thân trong vấn đề này. Với 62/95 câu trả lời ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý (xem biểu đồ 3), cho thấy rằng thế hệ Z – dù sống trong những điều kiện thuận lợi và rộng mở cùng với lối sống chịu ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa ngoại lai – vẫn không quên đi vai trò của mình trong tiếp nối những giá trị tốt đẹp vốn có của văn hóa gia đình Việt Nam mà các lễ nghi truyền thống là biểu hiện rõ ràng nhất.

Từ những số liệu trên, chúng tôi nhận thấy rằng: nhận thức về văn hóa ứng xử của nhóm khách thể nghiên cứu không hề bị lay chuyển, có chăng, cũng chỉ là những sự chuyển dịch linh

hoạt nhằm thích nghi với những hoàn cảnh kinh tế - xã hội mới. Hay nhìn rộng hơn, giới trẻ hiện nay tại Thanh Hóa – đặc biệt là thế hệ Z – vẫn giữ được nhận thức khá tốt về văn hóa, truyền thống gia đình và vai trò của bản thân như một mắt xích quan trọng nhằm cố kết những truyền thống từ quá khứ đến tương lai. Tuy nhiên, với thế hệ này, khoảng cách từ nhận thức đến với hành động thực tế còn khá xa vời do vấp phải không ít những khó khăn đến từ nhiều phía. Những khó khăn đó có thể đến từ công việc/học tập, giao tiếp thiếu thấu hiểu hay những tác nhân ngoại cảnh sẽ được chúng tôi phân tích sâu hơn ở các mục sau.



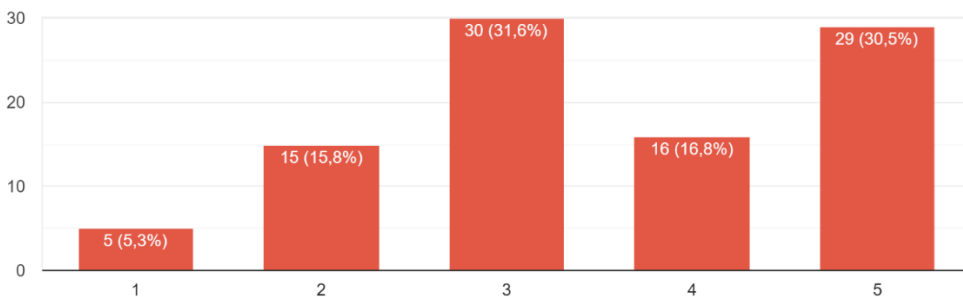
**Biểu đồ 3: Nhận thức về vai trò của bản thân trong duy trì truyền thống gia đình**

*Nguồn: Kết quả điều tra*

### 5.2. Những trở ngại khi giao tiếp liên thế hệ trong gia đình

Như chúng tôi đã đề cập trước đó, thế hệ Z là một thế hệ tương đối non trẻ, được sinh ra trong cuối thập niên 90 và thập niên 2010. Xét theo độ tuổi, đây là một nhóm đối tượng đặc biệt vì bao gồm cả những người trưởng thành và những người vị thành niên. Chính vì thế, vẫn còn một bộ phận không nhỏ những người thuộc thế hệ Z vẫn đang trong quá trình hoàn thiện về tư duy, cảm xúc và nhận thức. Cũng vì vậy, ý kiến của họ đôi khi bị xem nhẹ, thậm chí là bác bỏ bởi các thế hệ đi trước, cho rằng họ chưa đủ khả năng để đưa ra quan điểm cá nhân. Về lâu dài, điều này ảnh hưởng đến mức độ thoải mái của thế hệ Z khi chia sẻ ý kiến cá nhân về các vấn đề chung của gia đình.

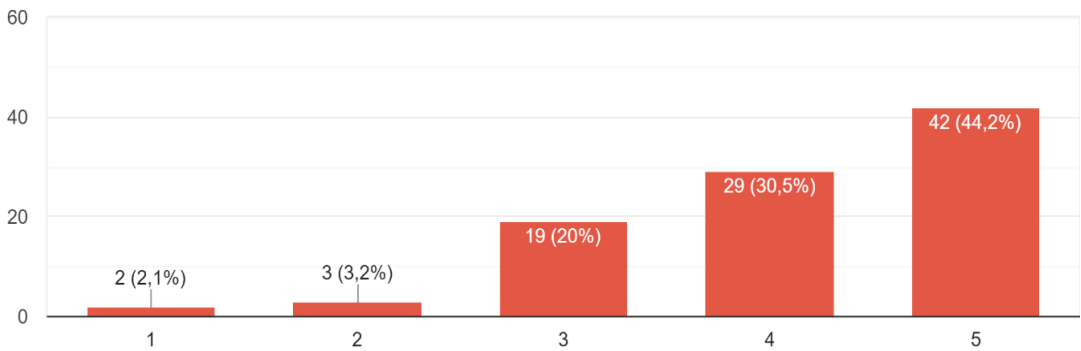
Minh chứng cho luận điểm trên, khi được hỏi về mức độ thoải mái khi chia sẻ ý kiến cá nhân với những vấn đề trong gia đình. Từ biểu đồ 4, chúng tôi nhận thấy có một bộ phận không nhỏ (47,3%) đã tự tin hơn trong việc thể hiện quan điểm. Tuy nhiên vẫn còn tới 21% (20 người) cảm thấy không thoải mái hoặc hoàn toàn không thoải mái khi đưa ra ý kiến cá nhân liên quan đến các quyết định trong gia đình. Thêm vào đó, 31,6% (30 người) lựa chọn trung lập, cho thấy sự chưa rõ ràng về vị trí tiếng nói của mình. Điều này cho thấy sự dè dặt trong việc bày tỏ quan điểm, có thể xuất phát từ tâm lý lứa tuổi hoặc môi trường gia đình chưa thực sự cởi mở, nơi ý kiến của thế hệ Z chưa được nhìn nhận một cách nghiêm túc.



**Biểu đồ 4: Mức độ thoải mái khi chia sẻ ý kiến về các vấn đề gia đình**

*Nguồn: Kết quả điều tra*

Tuy nhiên, trái ngược với sự dè dặt trong việc trực tiếp bày tỏ quan điểm cá nhân của một bộ phận, phần lớn người tham gia khảo sát lại cho thấy họ vẫn nuôi dưỡng mong muốn được chia sẻ và kết nối nhiều hơn với cha mẹ. Điều này phản ánh một nhu cầu giao tiếp tiềm ẩn nhưng chưa được đáp ứng đầy đủ – có thể do rào cản về tâm lý, khoảng cách thế hệ hoặc những khuôn mẫu ứng xử truyền thống trong gia đình.

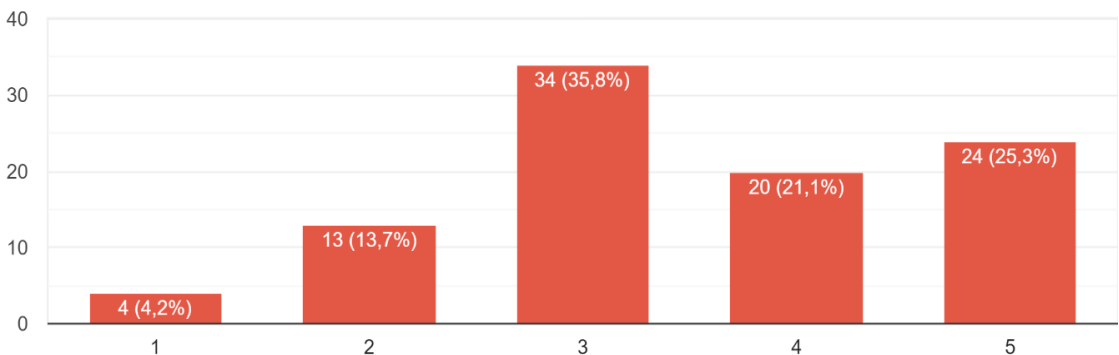


**Biểu đồ 5: Mong muốn được chia sẻ với cha mẹ nhiều hơn**

*Nguồn: Kết quả điều tra*

Trong biểu đồ 5, hiện có 74.7% người tham gia khảo sát (71 người) cho biết họ muốn chia sẻ nhiều hơn với cha mẹ nếu có cơ hội, cho thấy nhu cầu kết nối gia đình là một nhu cầu thường trực của thế hệ Z. Trong khi đó, 20% chọn mức trung lập, phản ánh sự lưỡng lự giữa mong muốn và thực tế. Có thể, họ cũng muốn chia sẻ nhưng vấp phải những tác động ngoại cảnh. Chỉ 5.3% không đồng tình với việc chia sẻ, cho thấy phần lớn thế hệ Z không hề thờ ơ hay khép kín như định kiến thường thấy. Thực tế cho thấy, thế hệ Z đang tìm kiếm một môi trường phù hợp để được lắng nghe và thấu hiểu.

Thực tế này tiếp tục được khẳng định thông qua biểu đồ 6, khi những người tham gia được hỏi về tần suất tâm sự, chia sẻ về cuộc sống với cha mẹ. Dù thế hệ Z có mong muốn và nhu cầu được kết nối và chia sẻ với thế hệ cha mẹ là thật, nhưng việc họ không thể duy trì tần suất kết nối cũng như cởi mở khi trò chuyện cùng cha mẹ cũng là thật. Minh chứng cho quan điểm trên của chúng tôi, một bạn sinh viên đã chia sẻ: “Có nhiều chuyện trong cuộc sống mình muốn kể cho bố mẹ, nhất là lúc áp lực hay buồn chuyện tình cảm. Nhưng mình im lặng vì sợ bố mẹ không hiểu, vô tình trách móc hay so sánh thay vì được lắng nghe...” (H.P.M, 19 tuổi).



**Biểu đồ 6: Tần suất tâm sự, chia sẻ với cha mẹ**

*Nguồn: Kết quả điều tra*

Biểu đồ 6 nêu lên một sự thật đáng quan ngại khi trong số 95 người được khảo sát, chỉ 46.4% (44 người) cho biết họ thường xuyên trò chuyện và chia sẻ về cuộc sống, công việc với cha mẹ. Điều này cho thấy chưa đến một nửa số người trẻ trong khảo sát duy trì được sự giao tiếp thân mật trong gia đình. Ngoài ra, 35.8% (34 người) chọn mức trung lập, phản ánh sự lúng túng hoặc do dự: họ có thể muốn chia sẻ nhưng chưa tìm được cách, hoặc từng thử nhưng không cảm thấy được lắng nghe. Đáng chú ý, 17 người (chiếm gần 18%) không đồng ý với nhận định này, cho thấy một khoảng cách giao tiếp rõ rệt giữa cha mẹ và con cái trong một số gia đình.

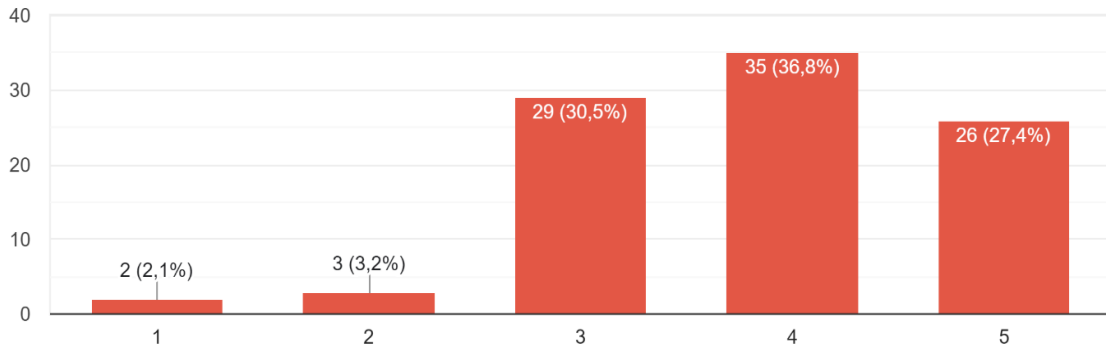
Những con số này đặt ra sự đối lập với kết quả trước đó: 74.7% người trẻ bày tỏ mong muốn được chia sẻ nhiều hơn với cha mẹ. Dữ liệu từ biểu đồ 6 cho thấy dù có nhu cầu, việc giao tiếp thực tế vẫn gặp nhiều rào cản. Các yếu tố như lịch trình bận rộn, khác biệt thế hệ, thiếu kỹ năng lắng nghe hoặc không có không gian an toàn cho cuộc trò chuyện đã cản trở quá trình kết nối.

Thế hệ Z không thiếu mong muốn gắn bó, nhưng đang gặp khó khăn trong việc hiện thực hóa điều đó. Vì vậy, để thu hẹp khoảng cách này, cả cha mẹ và con cái cần cùng chủ động tạo ra môi trường đối thoại cởi mở, tôn trọng lẫn nhau.

### 5.3. Thế hệ Z gặp khó khăn khi cân bằng giữa công việc và gia đình

Trong văn hóa gia đình của người Việt, các nghi lễ và nghi thức truyền thống như giỗ chạp, lễ Tết không chỉ mang giá trị tâm linh – tín ngưỡng mà còn đảm nhiệm vai trò thiết yếu trong việc bảo tồn, truyền thừa và tái cấu trúc văn hóa gia đình qua các thế hệ. Đây cũng chính là khoảng thời gian quý báu, tạo điều kiện để các thành viên thuộc nhiều thế hệ cùng tham gia vào các hoạt động chung, từ đó thúc đẩy sự giao tiếp, sẻ chia và thấu hiểu lẫn nhau. Đặc biệt, đây còn là khoảng thời gian giá trị, khi các thế hệ cùng hiện diện, đối thoại và thể hiện những khuôn mẫu ứng xử đặc trưng của gia đình. Vì vậy, chúng tôi có thể khẳng định rằng các nghi lễ truyền thống trong gia đình không chỉ đóng vai trò duy trì bản sắc văn hóa dân tộc mà còn là một "thước đo" quan trọng phản ánh mức độ gắn bó, tinh thần trách nhiệm và ý thức kế thừa văn hóa ứng xử của mỗi cá nhân trong bối cảnh gia đình đương đại.

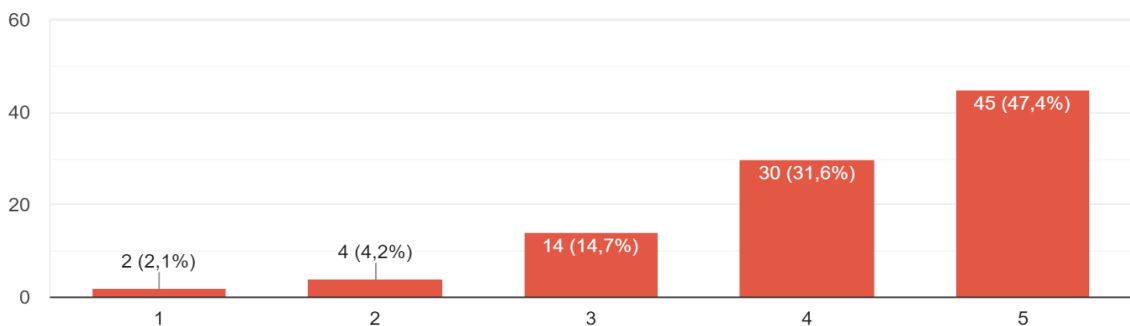
Thế hệ Z, mặc dù chịu ảnh hưởng sâu sắc từ điều kiện sống và các yếu tố khách quan khác biệt hơn với các thế hệ đi trước, song, họ vẫn thể hiện sự quan tâm và tham gia vào các nghi lễ truyền thống của gia đình như giỗ chạp, lễ Tết. Điều này cho thấy thế hệ này cũng mang trong mình nhu cầu duy trì kết nối với cội nguồn và mong muốn gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống, được thể hiện thông qua hành động của họ.



**Biểu đồ 7: Mức độ tham gia vào các dịp lễ, tết**

*Nguồn: Kết quả điều tra*

Biểu đồ 7 cho thấy một chiều hướng tích cực khi phần lớn người tham gia khảo sát (94,7%) chọn mức từ trung lập đến hoàn toàn đồng ý (mức 3 đến 5) với việc sẵn sàng tham gia các dịp lễ Tết hoặc gặp mặt gia đình. Tuy nhiên, đồng ý một phần là lựa chọn phổ biến nhất (35/95), cao hơn hẳn số người hoàn toàn đồng thuận (26 người) nhưng vẫn thấp hơn bộ phận trung lập (29 người), cho thấy một sự phân hóa nhất định trong thái độ. Đặc biệt, chỉ có 5,3% số câu trả lời nằm ở mức phản đối và phản đối một phần.



**Biểu đồ 8. Mức độ sẵn lòng tham dự vào những dịp gặp mặt nếu có cơ hội**

*Nguồn: Kết quả điều tra*

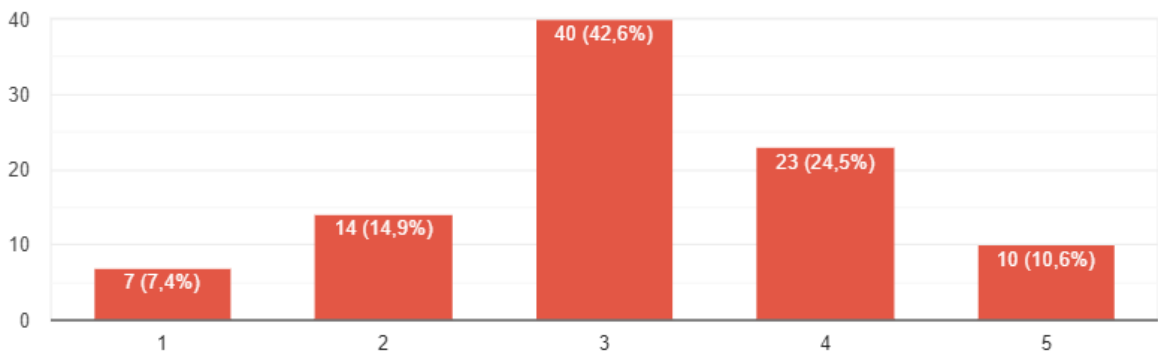
Mặc dù đa số Gen Z vẫn thể hiện sự sẵn lòng tham gia (biểu đồ 8), sự chênh lệch giữa mức độ cam kết cho thấy không phải ai cũng có nhiệt huyết tuyệt đối. Sự hiện diện của nhóm chọn mức trung lập tương đối cao phản ánh tâm lý lưỡng lự hoặc thờ ơ ở một bộ phận người trẻ, điều này là một tín hiệu cần được chú ý trong việc duy trì văn hóa truyền thống trong gia đình. Tuy nhiên, ở chiều hướng ngược lại của khảo sát, chúng tôi nhận thấy được một góc độ khác của vấn đề, làm dấy lên những nghi ngờ về quan điểm cho rằng thế hệ Z là một thế hệ hời hợt với truyền thống gia đình.

Với câu hỏi “Bạn sẽ tham gia vào các hoạt động gia đình nhiều hơn nếu có cơ hội?”, có đến 45 người chọn mức 5 (hoàn toàn đồng ý) và 30 người chọn mức 4, 14 người chọn mức 3, chiếm hơn 93% tổng số người khảo sát. Qua đó, có thể thấy được tinh thần tích cực và mong muốn chủ động trong việc tham gia các hoạt động chung mang tính gia đình của thế hệ Z, bác bỏ quan điểm về một thế hệ thờ ơ, hời hợt với gia đình.

Số liệu trên còn cho thấy phần lớn người tham gia nghiên cứu vẫn có mong muốn gắn kết với gia đình, nhưng có thể bị cản trở bởi các yếu tố khách quan như áp lực học tập, công việc, khoảng cách địa lý hoặc né tránh giao tiếp trong gia đình. Theo chị T.T.T.H (26 tuổi) chia sẻ: “Có 1-2 lần tôi viện cớ mình bận hoặc giả ốm để không tham gia buổi tụ tập gia đình. Lúc đó tôi cảm thấy nhẹ nhõm, không phải suy nghĩ nhiều về việc phải trả lời câu hỏi của mọi người, không bị áp đặt từ những câu phán xét của họ hàng. Tôi thực sự thấy nhẹ nhõm. Nhưng cảm giác đó không kéo dài. Vì chỉ đến vài tiếng sau khi cuộc họp mặt kết thúc. Tôi lại thấy hơi có lỗi vì đã nói dối. Vì đã phụ lòng những người thực sự quan tâm tôi. Tôi hiểu trong gia đình có người soi mói, nhưng cũng có những người thực lòng quan tâm và muốn hỏi thăm tôi. Nên tôi thấy khá bứt rứt về điều đó”.

Từ những lập luận và chia sẻ trên, ta có thể thấy có nhiều tác nhân ảnh hưởng đến mức độ sẵn lòng tham dự những dịp gặp mặt, bao gồm cả chủ quan và khách quan. Vì vậy, việc một số người chọn mức trung lập ở biểu đồ 7 không nên bị hiểu là thờ ơ, mà cần được nhìn nhận trong bối cảnh thực tế: thế hệ Z không phải không muốn tham gia, mà đôi khi là không thể – và đây là điều cần được lưu ý trong các đánh giá về hành vi ứng xử của họ.

Bổ sung minh chứng cho quan điểm trên, theo biểu đồ 9, có khoảng 35,1% người khảo sát (tương đương 33 người) cho biết họ gặp khó khăn trong việc dung hòa giữa công việc và trách nhiệm gia đình, cho thấy đây là một thách thức phổ biến chứ không còn là vấn đề cá biệt – đặc biệt đáng chú ý khi Gen Z đang trở thành lực lượng lao động chính của xã hội. Điều này đặt họ vào tình thế buộc phải học cách cân bằng giữa gia đình, công việc và cuộc sống cá nhân.



**Biểu đồ 9: Khả năng cân bằng giữa công việc và gia đình**

*Nguồn: Kết quả điều tra*

Mặt khác, nhóm đã học được cách cân bằng được yếu tố công việc và gia đình chỉ 22,3% (21 người), bày tỏ sự không đồng tình với nhận định này. Tuy nhiên, đây chỉ là một nhóm tương đối nhỏ trong cuộc khảo sát. Đáng chú ý, có tới 42,6% (40 người) chọn mức trung lập – nhóm lớn nhất. Điều này phản ánh sự do dự hoặc thiếu chắc chắn trong nhận thức, có thể do chưa thực sự va chạm hoặc đang âm thầm tìm cách cân bằng. Chính sự lưỡng lự này cũng là một dạng khó khăn – không ở hành vi rõ ràng mà ở mức định hình giá trị sống và ưu tiên cá nhân.

Như vậy, thông qua số liệu khảo sát, có thể thấy rằng, khó khăn trong việc cân bằng giữa công việc, học tập và trách nhiệm gia đình là một thách thức phổ biến đối với thế hệ Z, chứ không

chỉ là vấn đề cá nhân đơn lẻ. Mặc dù phần lớn người trẻ vẫn thể hiện mong muốn kết nối và gìn giữ giá trị gia đình, nhưng các rào cản khách quan như áp lực công việc, lịch trình học tập dày đặc, khoảng cách địa lý hoặc thiếu môi trường chia sẻ phù hợp đang làm suy giảm khả năng hiện thực hóa mong muốn đó. Đặc biệt, sự hiện diện đáng kể của nhóm trung lập trong khảo sát không chỉ phản ánh trạng thái lưỡng lự trong nhận thức, mà còn cho thấy thế hệ Z đang trong quá trình định hình lại vai trò, thứ tự ưu tiên và giá trị sống giữa một xã hội nhiều biến động.

### 6. Kết luận:

Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã nhận diện được những khó khăn mà thế hệ Z tại tỉnh Thanh Hóa đang đối mặt trong việc duy trì văn hóa ứng xử truyền thống trong gia đình, dưới tác động của sự phát triển công nghệ và những thay đổi xã hội. Mặc dù kích thước mẫu có phần hạn chế, nhưng các phát hiện về sự đứt gãy trong giao tiếp liên thế hệ của nghiên cứu này hoàn toàn tương đồng với lý thuyết hệ thống sinh thái của Bronfenbrenner, khi sự thay đổi của Hệ Vĩ mô (bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa nông thôn) đã tác động trực tiếp đến Hệ Vi mô (những tương tác gia đình). Đồng thời, sự lưỡng lự trong việc chia sẻ với cha mẹ (trường hợp biểu đồ 6) cũng củng cố quan điểm của Mannheim về sự hình thành các đặc trưng thế hệ riêng biệt do bối cảnh lịch sử khác nhau.

Mặc dù quá trình biến đổi và chuyển dịch của văn hóa là không thể nghịch chuyển, tuy nhiên, điều đó không đồng nghĩa với việc các giá trị truyền thống trong gia đình sẽ bị xóa nhòa hay mất đi vai trò vốn có. Trái lại, trong bối cảnh xã hội hiện đại với sự tác động mạnh mẽ của công nghệ, toàn cầu hóa và lối sống cá nhân hóa, những giá trị văn hóa ứng xử truyền thống càng bộc lộ ý nghĩa như một nền tảng định hướng hành vi và điều tiết các mối quan hệ gia đình. Do đó, việc gìn giữ và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa ứng xử trong gia đình vẫn là một yêu cầu cấp thiết của thời đại.

Vì vậy, chúng tôi kêu gọi sự quan tâm và phối hợp chặt chẽ trong vấn đề giáo dục văn hóa ứng xử đối với thế hệ Z, coi đây là một nhiệm vụ mang tính lâu dài và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển bền vững của gia đình và xã hội. Sự phối hợp này cần được triển khai đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng, trong đó gia đình giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành thói quen ứng xử, nhà trường đảm nhiệm chức năng định hướng giá trị và trang bị kỹ năng giao tiếp – ứng xử, còn xã hội tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh để các giá trị đó được thực hành và củng cố. Bên cạnh việc truyền đạt các chuẩn mực ứng xử truyền thống, giáo dục văn hóa ứng xử cho thế hệ Z cũng cần chú trọng đến việc lắng nghe, thấu hiểu đặc điểm tâm lý, nhu cầu và bối cảnh sống của người trẻ, từ đó giúp họ chủ động dung hòa giữa trách nhiệm gia đình và đời sống cá nhân trong xã hội hiện đại.

Cùng với đó, không nên tiếp cận giáo dục văn hóa ứng xử đối với thế hệ Z theo hướng áp đặt hay rập khuôn các chuẩn mực truyền thống, bởi điều này dễ tạo ra tâm lý phản kháng hoặc xa cách ở người trẻ. Thay vào đó, cần khuyến khích đối thoại hai chiều, tôn trọng tiếng nói và trải nghiệm cá nhân của thế hệ Z, xem họ như những chủ thể văn hóa đang tham gia tích cực vào quá trình tái cấu trúc các giá trị gia đình. Việc giáo dục văn hóa ứng xử nên được thực hiện thông qua những tình huống thực tiễn, các hoạt động sinh hoạt gia đình, trải nghiệm cộng đồng và không gian giao tiếp cởi mở, nơi người trẻ được bày tỏ quan điểm, được lắng nghe và được hướng dẫn cách điều chỉnh hành vi một cách linh hoạt. Đồng thời, cần chú trọng trang bị cho thế hệ Z các kỹ năng giao tiếp liên thế hệ, kỹ năng quản lý cảm xúc và cân bằng vai trò xã hội, nhằm giúp họ thích ứng hiệu quả với nhịp sống hiện đại mà không đánh mất các giá trị cốt lõi của văn hóa gia đình.

Tựu trung lại, thế hệ Z là một thế hệ trưởng thành trong bối cảnh xã hội biến đổi nhanh chóng, chịu tác động đồng thời của truyền thống văn hóa gia đình và những yêu cầu mới của đời sống hiện đại, từ đó hình thành những đặc điểm riêng trong nhận thức và hành vi ứng xử. Những khó khăn mà thế hệ này gặp phải trong văn hóa ứng xử gia đình không xuất phát từ sự thờ ơ hay phủ nhận các giá trị truyền thống, mà chủ yếu bắt nguồn từ áp lực học tập – công việc, sự dịch chuyển không gian sống, khác biệt thế hệ và những thay đổi trong môi trường giao tiếp. Do đó, việc nhìn nhận văn hóa ứng xử của thế hệ Z cần được đặt trong bối cảnh toàn diện, khách quan và giàu tính thấu hiểu, tránh các đánh giá phiến diện hay định kiến thế hệ. Chỉ khi có sự đồng hành, chia sẻ và

điều chỉnh linh hoạt từ phía gia đình, nhà trường và xã hội, thế hệ Z mới có thể phát huy vai trò chủ thể của mình trong việc tiếp nối, làm mới và lan tỏa các giá trị văn hóa ứng xử tích cực, góp phần xây dựng gia đình Việt Nam hài hòa, bền vững trong bối cảnh xã hội đương đại.

### Tài liệu tham khảo

- Tylor, E. B. (1871). *Primitive culture: Researches into the development of mythology, philosophy, religion, language, art and custom*. Dover Publications. (Original work published 1871)
- Mannheim, K. (1952). *Essays on the sociology of knowledge*. Routledge & Kegan Paul.
- Bronfenbrenner, U. (1977). *The ecology of human development: Experiments by nature and design*. Harvard University Press.
- Lê Thị Bùng (1997). *Tâm lý học ứng xử*. Nxb Giáo dục.
- Phạm Khắc Chương (2006). *Văn hóa ứng xử trong gia đình*. Nxb Thanh Niên.
- Nguyễn Thanh Tuấn (2008). *Văn hóa ứng xử Việt Nam hiện nay*. Nxb Từ điển Bách khoa & Viện Văn hóa.
- Lê Ngọc Văn (2011). *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội.
- Nguyễn Hữu Minh (2015). Gia đình Việt Nam sau 30 năm đổi mới. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*.
- Lý Tùng Hiếu (2018). Văn hoá – một phạm trù biến hoá: Tổng thuật lịch sử 400 năm biến đổi nhận thức về văn hóa. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, 5(5), 71–81. <https://doi.org/10.58810/vhujs.5.5.2017.5535>
- Nguyễn Võ Anh (2024). Văn hóa ứng xử của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học*, 21(7). [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.7.3873\(2024\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.7.3873(2024))
- Phạm Minh Thảo (2015). *Văn hoá ứng xử của người Việt xưa và nay*. Nxb Hồng Đức.
- Huyền Trang (2022). Văn hóa ứng xử trong mối quan hệ vợ chồng của người Chăm Islam ở tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 19(7). [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.19.7.3520\(2022\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.19.7.3520(2022))
- Trần Thị Minh Thi (2022). *Một số biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay*. Truy xuất tại: <https://xahoi.vnua.edu.vn/tin-tuc-va-su-kien/mot-so-bien-doi-cua-gia-dinh-viet-nam-hien-nay-50674>, ngày 20/9/2025.